

Số: 714/2019/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 11 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 687/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Chí T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số X, đường Y, Phường Z, quận M, Thành phố N.

- Bà Đỗ Thị Mỹ X, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện L, thành phố K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trương Chí T và bà Đỗ Thị Mỹ X là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y, cấp ngày Z của Ủy ban nhân dân thành phố C.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 16/5/2019; Biên bản hòa giải thành ngày 03/6/2019 và Đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ghi ngày 03/6/2019, ông Trương Chí T và bà Đỗ Thị Mỹ X yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà Đỗ Thị Mỹ X là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Phú K, sinh ngày X, ông Trương Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thực hiện từ tháng

6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ông Trương Chí T và bà Đỗ Thị Mỹ X không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung.

[3] Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Trương Chí T và bà Đỗ Thị Mỹ X thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trương Chí T và bà Đỗ Thị Mỹ X thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y, cấp ngày Z của Ủy ban nhân dân thành phố C hết hiệu lực.

- Về con chung: Có một con chung là Trương Phú K, sinh ngày X.

Bà Đỗ Thị Mỹ X là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Phú K, ông Trương Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thực hiện từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trương Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trương Chí T và bà Đỗ Thị Mỹ X phải chịu lệ phí dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0000804 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Nhung